

Số: 2600 /QĐ-ĐHNL-ĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ học kỳ I năm học 2018-2019 và thay thế quyết định số 1712/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về việc đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng Khoa/Bộ môn, Thủ trưởng các đơn vị, công chức, viên chức có liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu HC, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG *dl*  
  
GS.TS. Nguyễn Hay

# CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHNLT), là những người đã trúng tuyển kỳ tuyển sinh hoặc xét tuyển và có quyết định thu nhận vào ĐHNLT (bao gồm sinh viên Văn bằng đại học thứ 2 và Liên thông).

- Mỗi sinh viên khi vào trường được cấp một mã số sinh viên, thẻ sinh viên và địa chỉ thư điện tử (email) và phải sử dụng trong suốt quá trình theo học tại trường.
- Sinh viên (SV) phải chấp hành pháp luật, nội quy, quy định của trường theo thông tư 10/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo hệ đại học chính quy.

## **Điều 2. Chương trình đào tạo (CTĐT)**

1. Chương trình đào tạo cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

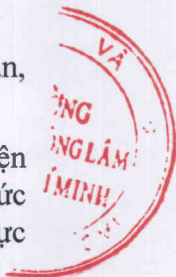
2. Mỗi chương trình đào tạo được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

- Khối kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC): bao gồm các nhóm kiến thức về lý luận chính trị, khoa học xã hội, khoa học cơ bản, ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng.
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (GDCN): bao gồm các nhóm kiến thức về cơ sở khối ngành và ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ và tự chọn nhằm đáp ứng yêu cầu chuyên sâu hay mở rộng khả năng nghề nghiệp.

Hiệu trưởng quy định danh mục các học phần, số lượng tín chỉ của mỗi học phần, cấu trúc thành phần của hai khối kiến thức GDĐC và GDCN.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết, học trước, song hành (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo với khối lượng của mỗi chương trình đào tạo không dưới 150 tín chỉ đối với khóa đại học 5 năm; không dưới 120 tín chỉ đối với khóa đại học 4 năm; không dưới 90 tín chỉ đối với khóa Văn bằng đại học thứ 2; không dưới 40 tín chỉ đối với khóa đại học Liên thông; và thực hiện trên cơ sở mức trần học phí theo quy định tại khoản 2, điều 5, Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015.



5. Khoa/Bộ môn quản lý ngành học phải công khai CTĐT cho sinh viên biết ngay khi sinh viên nhập học và có kế hoạch đánh giá, thẩm định CTĐT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Điều 3. Kế hoạch học tập (KHHT)**

1. Sinh viên phải xây dựng KHHT toàn khóa bằng cách liệt kê các học phần phải học cho từng học kỳ (HK). KHHT phải được cố vấn học tập (CVHT), Khoa/Bộ môn quản lý ngành học duyệt. KHHT là cơ sở để SV đăng ký học phần trong mỗi HK.

2. KHHT có thể thay đổi trong quá trình học nhưng phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt: thay đổi thứ tự học phần giữa các học kỳ sẽ do CVHT duyệt, thêm hay bớt học phần trong KHHT sẽ do Khoa/Bộ môn duyệt.

### **Điều 4. Thời gian đào tạo**

1. Thời gian thiết kế cho một CTĐT tùy theo bậc/ngành học. Thời gian cho phép để hoàn thành CTĐT được xác định như sau:

<b>Chương trình đào tạo</b>	<b>Thời gian thiết kế</b>	<b>Thời gian tối đa</b>
<b>Đại học chính quy</b>	<b>4 năm</b>	<b>8 năm</b>
<i>(Riêng ngành Thú Y)</i>	<i>5 năm</i>	<i>10 năm</i>
<i>Chương trình tiên tiến ngành CNTP</i>	<i>4.5 năm</i>	<i>9 năm</i>
<i>Chương trình tiên tiến ngành Thú Y</i>	<i>5.5 năm</i>	<i>11 năm</i>
<b>Văn bằng 2, hệ chính quy</b>	<b>2.5 năm</b>	<b>5 năm</b>
<i>(Riêng ngành Thú Y)</i>	<i>3 năm</i>	<i>6 năm</i>
<b>Liên thông, hệ chính quy</b>	<b>2 năm</b>	<b>4 năm</b>

2. Những SV được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy không bị giới hạn về thời gian tối đa hoàn thành CTĐT.

### **Điều 5. Học kỳ (HK)**

1. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học hè để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. HK hè là học kỳ giúp SV rút ngắn thời gian học, cải thiện kết quả học tập. Không bắt buộc SV phải học. Riêng đối với SV năm thứ nhất, không đăng ký học trong HK hè.

### **Điều 6. Học phần, lớp học phần và lớp chuyên ngành**

1. Học phần là lượng kiến thức tương đối trọn vẹn được dạy trong một HK. Mỗi học phần có tên riêng và được ký hiệu bằng một mã số.

- Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Khoa/Bộ môn nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

- Học phần tiên quyết là học phần mà sinh viên phải tích lũy mới được đăng ký học học phần tiếp theo.
- Học phần học trước là học phần mà sinh viên đã đăng ký học nhưng không bắt buộc phải đạt (*kết quả dưới điểm D*).
- Học phần điều kiện là học phần mà sinh viên phải đạt nhưng kết quả thi không dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy. Các học phần điều kiện bao gồm: Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, Ngoại ngữ không chuyên, Tin học không chuyên.
- Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc CTĐT của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường (hoặc trường có ký kết công nhận chương trình đào tạo với nhà trường) được phép tích lũy tương đương cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo.
- Học phần thay thế được sử dụng thay thế cho một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa.

2. Lớp học phần là lớp mà sinh viên đăng ký theo học cùng học phần trong một HK. Mỗi học phần trong 1 học kỳ có thể có nhiều lớp học phần khác nhau.

3. Lớp chuyên ngành là lớp được hình thành từ đầu khóa học cho đến cuối khóa học. Tổ chức lớp chuyên ngành để duy trì những sinh hoạt đoàn thể, xét kết quả rèn luyện, xét khen thưởng, phổ biến những thông tin của Trường, Khoa/Bộ môn. Mỗi lớp chuyên ngành có mã số riêng và được bố trí một CVHT để hỗ trợ sinh viên.

### **Điều 7. Tín chỉ (TC)**

Kiến thức của mỗi học phần và toàn khóa học được đo lường bằng tín chỉ (TC), được tính theo quy ước sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết học lý thuyết; hoặc 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận, seminar; hoặc 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc 60 - 90 giờ thực tế ở cơ sở.
- Để tiếp thu kiến thức của 1 tín chỉ, SV phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

### **Điều 8. Học bổng**

1. Học bổng khuyến khích học tập:

a) Sinh viên được xét cấp học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT) theo từng học kỳ. Thời gian xét từ học kỳ 1 năm thứ nhất đến học kỳ 2 năm cuối cùng trong thời gian thiết kế chương trình đào tạo. Kết quả xét dựa trên cơ sở điểm trung bình chung học kỳ (*ĐTBCHK - theo điều 23, tính theo thang điểm 10*) và điểm rèn luyện (*ĐRL - theo điều 24*). Quỹ học bổng khuyến khích học tập toàn trường được xác định theo quy định của Chính phủ.

b) Điều kiện để được xét học bổng: sinh viên hoàn thành ít nhất 15 TC trong học kỳ (*trừ trường hợp do Trường bố trí*), nếu là học kỳ cuối (*hoàn thành chương trình đào tạo*) thì phải hoàn thành 8 TC trở lên; sinh viên đạt kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, trong đó không có học phần dưới điểm 5 (*xem điều 21*), không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

HBKKHT có 3 loại: xuất sắc, giỏi, khá. Tiêu chuẩn cho từng loại học bổng được xác định như sau:

- Loại xuất sắc: có ĐTBCHK  $\geq 9$  và ĐRL  $\geq 90$ ;
- Loại giỏi: có ĐTBCHK  $\geq 8$  và ĐRL  $\geq 80$ ;
- Loại khá: có ĐTBCHK  $\geq 7$  và ĐRL  $\geq 70$ .

c) HBKKHT được xét theo từng khóa và từng ngành/ chuyên ngành theo loại học bổng từ cao xuống thấp đến khi hết quỹ. Trong cùng loại học bổng, nếu có nhiều sinh viên đủ tiêu chuẩn thì xét ưu tiên lần lượt theo ĐTBCHK, ĐRL, số tín chỉ đã học trong học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy.

d) Căn cứ quỹ học bổng toàn trường, Hiệu trưởng quyết định quỹ học bổng cho từng khóa, từng ngành/ chuyên ngành và mức thưởng cho từng loại học bổng.

## 2. Học bổng tài trợ:

### a) Mục đích, ý nghĩa:

Quỹ học bổng tài trợ cho sinh viên được hình thành từ đóng góp và tài trợ của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường nhằm hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn trong quá trình học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học tại Trường.

### b) Tiêu chuẩn:

- Hoàn cảnh gia đình khó khăn đột xuất do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn;
- Bản thân bị bệnh nặng, khuyết tật, mồ côi cha mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động; dân tộc thiểu số ở vùng sâu vùng xa, con thương bệnh binh, gia đình thuộc diện hộ nghèo, có nỗ lực vươn lên trong học tập;
- Các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của tổ chức và cá nhân tài trợ học bổng;
- Tại thời điểm xét học bổng, không nhận hỗ trợ học bổng của bất cứ tổ chức và cá nhân nào khác.

c) Mức xét cấp học bổng tài trợ: do nhà tài trợ học bổng đưa ra hoặc do hội đồng xét duyệt học bổng tài trợ xem xét quyết định.

## **Điều 9. Học phí và miễn, giảm học phí**

1. Học phí đóng theo HK và tính theo tổng số TC mà sinh viên đã đăng ký học ở HK đó. Mức học phí do Hiệu trưởng quyết định.

2. Sinh viên học lại các học phần bị điểm F phải đóng học phí theo quy định hiện hành (*kể cả SV ngành sư phạm*).

3. Quy định về miễn giảm học phí: thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

4. Sinh viên còn nợ học phí của học kỳ cũ sẽ không được đăng ký học phần ở học kỳ tiếp theo. Ngoài ra, sinh viên còn nợ học phí không được phép xem các chức năng trên trang web đăng ký học phần ngoại trừ chức năng “xem học phí”.

## **Điều 10. Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm tai nạn sinh viên, Tín dụng sinh viên**

1. Bảo hiểm Y tế (BHYT): SV phải nộp BHYT theo quy định hiện hành.

2. Bảo hiểm tai nạn (BHTN): Trường khuyến khích SV tham gia nộp BHTN.

3. Tín dụng sinh viên: SV có thể xin vay tín dụng từ các Ngân hàng chính sách xã hội tại địa phương nơi gia đình SV cư trú. Trường sẽ cấp giấy xác nhận để SV bổ sung hồ sơ xin vay vốn.

### **Điều 11. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn cần phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường nơi đi và trường nơi đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường tại khoản 2 điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) SV đã tham dự kỳ thi tuyển sinh nhưng không trúng tuyển hoặc có điểm thi tuyển sinh thấp hơn điểm xét tuyển của trường chuyển đến (*trường hợp thi chung để thi tuyển sinh*);

b) SV thuộc diện năm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) SV năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) SV đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ theo quy định của Trường.

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của SV; công nhận các học phần mà SV chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên chuyển đi và trường chuyển đến.

## **CHƯƠNG II**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 12. Đăng ký học phần - Trách nhiệm của nhà trường và sinh viên**

1. Trách nhiệm của nhà trường:

- Đầu khóa học, Khoa/Bộ môn cung cấp CTĐT ngành/chuyên ngành học, quy định về công tác học vụ và bố trí CVHT cho từng lớp chuyên ngành.
- Cán bộ làm CVHT chịu trách nhiệm quản lý SV, tư vấn SV xây dựng KHHT và thực hiện quá trình học tập theo đúng quy định của nhà trường.
- Đầu mỗi HK, nhà trường thông báo cho SV những học phần sẽ giảng dạy trong HK đó và thời khóa biểu (TKB) của từng học phần tương ứng.

2. Trách nhiệm của sinh viên: tất cả SV phải thực hiện đăng ký học phần trước khi HK mới bắt đầu. Các học phần đăng ký phải theo KHHT.

### **Điều 13. Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ**

Để đảm bảo tiến độ thời gian hoàn thành khóa học và đảm bảo chất lượng học tập, trong mỗi HK sinh viên chỉ đăng ký với số lượng tín chỉ như sau:

- HK chính: SV phải đăng ký học ít nhất 8 TC và tối đa 25 TC; những SV đăng ký không đủ số tín chỉ tối thiểu (8 TC) mà không được sự cho phép của nhà trường thì xem như SV tự ý bỏ học.
- HK hè: SV đăng ký tối đa 12 TC. (Không bắt buộc SV phải học HK này)
- Đối với HK đầu tiên, SV mới trúng tuyển không phải đăng ký học phần. Các học phần của HK này sẽ do nhà trường bố trí.

Tùy theo năng lực học tập, nhà trường khuyến khích SV đăng ký học với số tín chỉ tối đa để rút ngắn thời gian hoàn thành khóa học đối với các ngành có điều kiện.

### **Điều 14. Đăng ký học phần**

1. Danh mục các học phần trong các học kỳ được quy định trong CTĐT và được công bố 6 tuần trước khi bắt đầu HK.

2. Danh mục các học phần đủ điều kiện tổ chức giảng dạy sẽ được công bố 1 tuần trước khi bắt đầu HK.

3. Quy trình đăng ký học phần:

*Bước 1:* SV dựa vào KHHT và TKB các học phần giảng dạy trong HK do nhà trường công bố để đăng ký học phần trực tuyến theo kế hoạch chung.

*Bước 2:* Sau khi Phòng Đào tạo công bố kết quả đăng ký học phần, SV vào website đăng ký học phần để xem và in thời khóa biểu.

4. Trong trường hợp sinh viên thấy việc học khó khăn có thể dẫn đến kết quả kém, SV có thể rút bớt học phần đã đăng ký.

- Thời gian rút học phần: chậm nhất là tuần lễ thứ 4 của HK chính và tuần lễ thứ 2 của HK hè.
- SV không được hoàn trả học phí những học phần đã rút.
- SV thực hiện rút học phần trực tiếp trên website đăng ký học phần theo thời gian quy định cụ thể của từng HK.
- Những học phần đã rút sẽ nhận điểm R trong bảng điểm HK.
- Trong các HK chính, tổng số tín chỉ của các học phần còn lại sau khi rút bớt không được dưới 8 TC.

5. Sinh viên đã đăng ký học phần nhưng không đi học hoặc không dự thi kết thúc học phần sẽ bị điểm F của học phần đó.

### **Điều 15. Tổ chức lớp học**

1. Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Số lượng sinh viên tối thiểu - tối đa cho mỗi lớp tùy theo từng loại học phần được giảng dạy trong nhà trường được quy định như sau:

Loại học phần	Số lượng sinh viên tối thiểu - tối đa	
Lý thuyết, lý thuyết kết hợp thực hành	30	200
Thực hành, thực tập, đồ án	20	50
Học phần Giáo dục thể chất	40	60

2. Hủy lớp học phần: nhà trường sẽ hủy những lớp học phần:

- Lý thuyết, lý thuyết kết hợp thực hành có số lượng đăng ký ít hơn 30 SV;
- Thực hành, thực tập, đồ án có số lượng đăng ký ít hơn 20 SV;
- Học phần Giáo dục thể chất có số lượng đăng ký ít hơn 40 SV.

3. Khoa/Bộ môn muốn duy trì các lớp học phần không đủ số lượng sinh viên đăng ký theo quy định cần có văn bản gửi Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Đào tạo có ý kiến và Ban giám hiệu phê duyệt.

4. Mở thêm lớp học phần: Trong thời gian xây dựng kế hoạch giảng dạy của HK theo quy định, nếu có từ 30 SV có nguyện vọng học và được Khoa/Bộ môn phụ trách học phần đó đề xuất, sau khi có sự chấp thuận của Hiệu trưởng, Trường sẽ mở thêm lớp học phần theo đề nghị.

#### **Điều 16. Đăng ký học lại**

1. Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy. Nếu là học phần bắt buộc, SV phải đăng ký học lại những học phần này; nếu là học phần tự chọn, SV có thể đăng ký học lại hoặc chọn học phần tự chọn khác theo quy định của CTĐT.

2. Các học phần đã tích lũy ở mức điểm D, D<sup>+</sup>, C, C<sup>+</sup>, B, B<sup>+</sup>, SV có thể đăng ký học lại để cải thiện kết quả. Điểm của học phần sẽ là điểm cao nhất trong các lần học.

#### **Điều 17. Nghỉ học tạm thời, cảnh báo kết quả học tập và buộc thôi học**

1. Nghỉ học tạm thời: SV có thể làm đơn xin phép nghỉ học tạm thời trong các trường hợp sau đây:

- Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị trong thời gian dài và phải có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;
- Vì nhu cầu cá nhân (*hoàn cảnh gia đình neo đơn, việc riêng...*). Trường hợp này chỉ giải quyết khi SV đã học ít nhất 1 HK ở trường, không rơi vào tình trạng bị buộc thôi học và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCCTL) không dưới 2.00. Thời gian nghỉ học tạm thời trong trường hợp này được tính vào quỹ thời gian học chính thức để hoàn thành chương trình đào tạo.

Nếu được chấp thuận, SV sẽ nhận được quyết định cho phép nghỉ học tạm thời. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng chậm nhất một tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới. Nếu đủ điều kiện, Trường sẽ quyết định thu nhận SV học lại. SV được vào học lại sẽ liên hệ CVHT để được hướng dẫn đăng ký học phần.

2. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp sinh viên biết được tình trạng học tập và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép học. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên trong các trường hợp sau:



a) Có ĐTBCTL đạt dưới 1.20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1.40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1.60 đối với sinh viên năm thứ ba; dưới 1.80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

b) SV không đăng ký học trong HK chính mà không được sự cho phép của Hiệu trưởng.

3. Buộc thôi học trong các trường hợp:

a) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học;

b) Đã bị cảnh báo kết quả học tập quá 2 lần liên tiếp;

c) Nghi học tạm thời quá thời hạn cho phép;

d) Không đóng học phí 2 học kỳ chính liên tiếp;

đ) Có điểm rèn luyện cả năm học thuộc loại kém lần thứ hai;

e) Vượt quá thời gian tối đa được phép học theo điều 4.

g) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của nhà trường;

Trường hợp bị buộc thôi học tại Điểm b, Điểm e, SV có thể xin xét chuyển sang học các chương trình đào tạo ở các trình độ thấp hơn tại Trường hoặc tại Trường khác có các chương trình đào tạo, chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng (trong thời hạn tối đa là 1 năm kể từ ngày ban hành quyết định). Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Sau khi ban hành quyết định đình chỉ học tập hoặc buộc thôi học, nhà trường gửi thông báo về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

#### **Điều 18. Giờ lên lớp**

Vào buổi học đầu tiên, CBGD thông báo cho SV biết đề cương chi tiết học phần (nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm...).

SV phải dự lớp 100% số giờ đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập ngoài trường, lý thuyết kết hợp thực hành; phải tham dự tối thiểu 80% số giờ đối với các học phần lý thuyết. SV vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. Cán bộ giảng dạy (CBGD) học phần đề nghị Khoa/Bộ môn duyệt danh sách SV bị cấm thi, thông báo trong buổi học cuối và cho điểm F vào bảng điểm.

Công tác giảng dạy - học tập được thực hiện từ 7g00 đến 20g00, 7 ngày/tuần. Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học phần và điều kiện cơ sở vật chất của Trường, Trường phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp. Thời gian giảng dạy chi tiết từng học kỳ được công bố trên website đăng ký học phần.

#### **Điều 19. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Trong quá trình học, sinh viên có thể học một chương trình khác để lấy thêm văn bằng thứ hai (nếu có nhu cầu). Khi tích lũy đầy đủ những học phần theo chương trình thứ hai, SV sẽ được cấp văn bằng của chương trình thứ hai.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sinh viên phải hoàn thành HK đầu tiên ở chương trình thứ nhất và có ĐTBCTL từ 2.00 trở lên;

c) Khoa/Bộ môn quản lý chương trình thứ hai còn khả năng tiếp nhận thêm SV.

3. Thủ tục đăng ký học thêm chương trình thứ hai:

a) Sinh viên phải làm đơn đăng ký học chương trình thứ hai vào đầu mỗi học kỳ chính (theo thông báo của Trường);

b) Khi có quyết định chấp thuận học cùng lúc hai chương trình, sinh viên tự nghiên cứu chương trình đào tạo của chương trình thứ hai và bổ sung các học phần cần phải học vào KHHT để đăng ký học phần;

c) Sau khi có quyết định cho phép học chương trình thứ hai, SV sẽ được chuyển về Khoa/Bộ môn quản lý chương trình thứ hai và được bố trí CVHT mới cho chương trình thứ hai. Khoa/Bộ môn quản lý chương trình thứ hai sẽ xét các học phần của CTĐT thứ hai được miễn do đã tích lũy ở CTĐT thứ nhất và SV sẽ xây dựng KHHT của CTĐT thứ hai dưới sự hướng dẫn của CVHT mới.

4. Sinh viên học hai chương trình chỉ được hưởng các chế độ quyền lợi đối với chương trình thứ nhất.

5. Tổng số TC tối đa cho phép đăng ký cả 2 chương trình ở HK chính là 25 TC, học kỳ hè là 12 TC.

6. Thời gian học cùng lúc hai chương trình được tính trong tổng thời gian học tối đa của chương trình thứ nhất. SV chỉ được công nhận tốt nghiệp đối với chương trình thứ hai sau khi đã được công nhận tốt nghiệp chương trình thứ nhất.

7. Sinh viên đang học cùng lúc hai chương trình, nếu ở chương trình thứ nhất có ĐTBHK < 2.00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo (sẽ không được đăng ký học phần thuộc chương trình thứ hai ở HK tiếp theo). Khi nào kết quả học tập ở chương trình thứ nhất được cải thiện mới được học tiếp chương trình thứ hai.

### CHƯƠNG III

#### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

##### Điều 20. Đánh giá học phần

1. Theo tính chất của học phần, có 3 loại học phần:

a) Học phần lý thuyết: là học phần CBGD và sinh viên làm việc trên lớp, bao gồm thuyết trình, sửa bài tập, thảo luận, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

b) Học phần thực hành: là học phần sinh viên làm thực hành, thí nghiệm, khảo sát thực địa, làm việc trong phòng thí nghiệm, thực tập dã ngoại.

c) Học phần lý thuyết kết hợp thực hành: là học phần có một phần giảng lý thuyết của CBGD, một phần sinh viên làm thực hành, thí nghiệm, khảo sát thực địa, làm việc trong phòng thí nghiệm.

2. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành: Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần bao gồm: điểm bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, điểm đánh giá nhận thức, điểm tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm đồ án và điểm thi kết thúc học phần. Thi kết thúc học phần là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50%.

3. Học phần thực hành: Điểm học phần được tính bằng điểm trung bình của các bài thực hành.

4. Hình thức đánh giá học phần, trọng số các điểm thành phần do CBGD đề xuất, Khoa/Bộ môn phụ trách học phần duyệt, công bố trong đề cương chi tiết học phần và bảng ghi điểm học phần.

### Điều 21. Điểm học phần

1. Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.

2. Điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận theo theo hệ điểm chữ A-B-C-D-F. Học phần chỉ được tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên. Các điểm chữ sẽ được quy đổi sang điểm số (thang điểm 4) để tính ĐTBCHK và ĐTBCTL. Cách quy đổi được thực hiện theo bảng dưới đây:

Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4	Điểm số theo thang điểm 10	Loại
A	4.0	9.0 - 10.0	Đạt
B+	3.5	8.0 - 8.9	
B	3.0	7.0 - 7.9	
C+	2.5	6.0 - 6.9	
C	2.0	5.0 - 5.9	
D+	1.5	4.1 - 4.9	
D	1.0	= 4.0	Không đạt
F	0.0	< 4.0	

3. Điểm miễn học phần là điểm để xác nhận học phần sinh viên được miễn học do đã tích lũy được bằng các hình thức khác. Sinh viên phải làm đơn có ý kiến của CVHT và nộp cho Khoa/Bộ môn xem xét theo từng HK, kèm theo giấy tờ hợp lệ và trình Hiệu trưởng chấp thuận. Sau khi được công nhận, Phòng Đào tạo lưu trữ theo điểm đã tích lũy.

- Điểm M không được tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL (áp dụng đối với các học phần điều kiện).
- Đối với sinh viên thuộc diện chuyển trường, chuyển ngành/chuyên ngành, văn bằng 2, liên thông và học chương trình 2, SV được miễn học khi đã tích lũy điểm học phần  $\geq 5.0$  (đối với thang điểm 10).

#### 4. Các điểm học phần khác:

- Điểm I: Dành cho các trường hợp chưa hoàn thành đầy đủ yêu cầu của học phần (SV đã dự học, dự các lần kiểm tra, đã thực hiện các hoạt động liên quan đến học phần như thí nghiệm, thực hành nhưng vì lý do bất khả kháng như ốm đau, tai nạn,... đã vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần và được CBGD phụ trách học phần chấp thuận). Điểm I không được tính vào ĐTBCHK ở HK đó. Để nhận được điểm I, SV phải làm đơn kèm theo hồ sơ hợp lệ nộp cho CBGD học phần xem xét và trình lãnh đạo Khoa/Bộ môn duyệt. Thời hạn bổ sung điểm của học phần do CBGD quy định nhưng không quá một năm kể từ ngày thi lần trước. Quá thời hạn trên, nếu SV không hoàn thành thì sẽ bị điểm F.

- Điểm R: Dành cho các học phần mà SV được phép rút theo quy định tại Điều 14. Điểm R không tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL.

### **Điều 22. Tổ chức thi kết thúc học phần, số lần thi, vắng thi**

1. Đối với các học phần thực hành, thực tập hoặc đồ án, Khoa/Bộ môn phối hợp với giảng viên giảng dạy để tổ chức thi; đối với các học phần Anh văn không chuyên, Tin học không chuyên sẽ do Trung tâm Ngoại ngữ và Trung tâm Tin học xếp lịch giảng dạy và tổ chức thi kết thúc học phần; đối với các học phần lý thuyết sẽ thi theo lịch chung do Phòng Quản lý Chất lượng xếp. Lịch thi kết thúc học phần phải được thông báo tới tất cả SV chậm nhất 30 ngày trước ngày thi đầu tiên của HK và công bố thông tin trên website.

2. Kỳ thi kết thúc học phần được tổ chức một lần. Sinh viên phải tuân thủ các quy định về công tác thi kết thúc học phần của đơn vị tổ chức thi.

3. Trong thời gian thi kết thúc học phần, nếu SV có lý do chính đáng không thể dự thi, được Khoa/Bộ môn chấp thuận thì sẽ hưởng điểm I (xem thêm điều 21).

### **Điều 23. Điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK), trung bình chung năm học (ĐTBCHN), trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL)**

1. Học phần đã tích lũy là học phần có kết quả đạt từ điểm D trở lên. Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy. Số tín chỉ tích lũy là tổng số tín chỉ của các học phần đã tích lũy.

2. ĐTBCHK: là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà SV đã học trong HK (kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện), với trọng số là số TC của các học phần đó. ĐTBCHK là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng, khen thưởng, cảnh báo kết quả học tập sau mỗi HK. ĐTBCHK được tính theo công thức tính như sau:

$$\text{ĐTBCHK} = \frac{\sum_{i=1}^n a_i X_i}{\sum_{i=1}^n a_i}$$

Trong đó:  $X_i$  là điểm học phần thứ  $i$ ;  $a_i$ : là số TC của học phần thứ  $i$ ;

$n$  là số học phần SV đăng ký học trong HK.

3. ĐTBCHN: là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà SV đã học trong 2 HK chính (kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện).

4. Xếp loại học tập học kỳ và năm học: căn cứ ĐTBCHK, ĐTBCHN, sinh viên được xếp loại học tập như sau:

Xếp loại	ĐTBCHK hoặc ĐTBCHN
Xuất sắc	3.60 - 4.00
Giỏi	3.20 - 3.59
Khá	2.50 - 3.19
Trung bình	2.00 - 2.49
Trung bình yếu	1.00 - 1.99
Kém	<1.00

5. ĐTBCTL: là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (*không bao gồm các học phần điều kiện, và các học phần bị điểm F*). Cách tính ĐTBCTL dựa vào CTĐT được thiết kế cho từng ngành, chuyên ngành. ĐTBCTL là cơ sở để đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học, xếp loại học lực, xếp loại tốt nghiệp, xét học chương trình thứ hai và cảnh báo kết quả học tập sau mỗi HK.

**Điều 24. Điểm rèn luyện (ĐRL)**

1. Mức độ rèn luyện của sinh viên được đánh giá từng học kỳ (HK hệ không tính điểm rèn luyện) và điểm rèn luyện được tính theo thang điểm 100 dựa vào thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) ĐRL cả năm là trung bình cộng của ĐRL hai HK chính. Mức điểm rèn luyện của SV được phân loại như sau:

<b>Điểm</b>	<b>Xếp loại</b>
Từ 90 đến 100 điểm	Xuất sắc
Từ 80 đến dưới 90 điểm	Tốt
Từ 65 đến dưới 80 điểm	Khá
Từ 50 đến dưới 65 điểm	Trung bình
Từ 35 đến dưới 50 điểm	Yếu
Dưới 35 điểm	Kém

- b) Những SV bị kỷ luật từ mức cảnh cáo của Trường trở lên trong HK, thì mức xếp loại không được vượt quá loại trung bình.
- c) Những SV không tham gia đánh giá ĐRL hoặc không đánh giá ĐRL đúng thời gian quy định sẽ bị xếp loại trung bình ở HK đó.
- d) Những SV chậm trễ trong việc đóng học phí cho Trường sẽ bị hạ một bậc kết quả đánh giá rèn luyện trong HK đó.

2. Sử dụng điểm rèn luyện:

- a) ĐRL toàn khóa học được lưu trong hồ sơ quản lý SV, ghi vào bảng điểm toàn khóa của SV khi ra trường.
- b) SV bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học sẽ bị đình chỉ học tập một năm ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại kém cả năm lần thứ hai (*trong toàn khóa học*) thì sẽ bị buộc thôi học.
- c) ĐRL của SV từng HK là tiêu chí để xét học bổng khuyến khích học tập, xếp loại và khen thưởng cuối mỗi năm học.

**Điều 25. Khen thưởng và kỷ luật:** theo quy định về khen thưởng và kỷ luật sinh viên hiện hành của nhà trường.

**Điều 26. Thông báo kết quả học tập**

1. Giảng viên chịu trách nhiệm ghi điểm học phần vào bảng ghi điểm thi (Danh sách ghi điểm), ký tên, gửi Khoa/Bộ môn quản lý học phần chậm nhất là 04 tuần kể từ ngày thi kết thúc học phần đó. Khoa/Bộ môn quản lý học phần kiểm tra, lưu 01 bản và gửi về Phòng Đào tạo 01 bản.

2. Giảng viên chịu trách nhiệm công bố điểm đánh giá thành phần trước khi kết thúc học phần. Khoa/ Bộ môn quản lý học phần xử lý tất cả khiếu nại liên quan đến kết quả học tập của học phần và thực hiện trong học kỳ đó.

3. Phòng Đào tạo xử lý ĐTBCHK, ĐTBCTL và thông báo tới sinh viên cuối mỗi học kỳ. Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra kết quả học tập trong thời gian học tại Trường.

4. Trong quá trình học tập, SV có thể đăng ký cấp bằng điểm cá nhân theo nhu cầu riêng. Mức chi phí và thời gian theo quy định của nhà Trường.

#### **Điều 27. Xếp hạng năm đào tạo**

Xếp hạng năm đào tạo được xác định dựa vào tổng số TC đã tích lũy, không dựa vào thời gian SV vào trường. Sau mỗi HK, căn cứ vào khối lượng TC tích lũy, SV được xếp hạng năm đào tạo như sau:

<b>Xếp hạng năm đào tạo</b>	<b>Số TC đã tích lũy</b>
Năm thứ nhất	< 36
Năm thứ hai	36 - 70
Năm thứ ba	71 - 105
Năm thứ tư	106 - 149
Năm thứ năm	> 149

### **CHƯƠNG IV**

#### **XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

#### **Điều 28. Khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp, tích lũy tín chỉ tốt nghiệp**

1. Tùy theo tính chất của ngành/chuyên ngành đào tạo, sinh viên được hướng dẫn thực hiện một trong ba hình thức sau:

- Khóa luận tốt nghiệp (KLTN): KLTN có khối lượng 10 - 12 TC. Sau khi hoàn thành khóa luận, SV sẽ bảo vệ trước hội đồng gồm ít nhất 3 giảng viên. Điểm KLTN của SV là trung bình cộng của các thành viên hội đồng, giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện. Hội đồng đánh giá KLTN do Khoa/Bộ môn đề xuất và được Hiệu trưởng phê duyệt.
- Tiểu luận tốt nghiệp (TLTN) và học thêm các học phần chuyên môn để đủ số TC theo quy định trong CTĐT. TLTN có khối lượng 5 TC. TLTN do 1 giảng viên hướng dẫn và 01 giảng viên khác chấm, không phải bảo vệ trước hội đồng. Cán bộ chấm TLTN do Khoa/Bộ môn quyết định.
- Tích lũy tín chỉ tốt nghiệp: SV có thể chọn hình thức không làm KLTN hoặc TLTN. Chọn hình thức này, sinh viên phải học thêm các học phần tự chọn đã được thiết kế trong CTĐT ngành/chuyên ngành để đủ số TC theo yêu cầu của CTĐT.

2. Để được nhận đề tài KLTN hoặc TLTN, SV phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có số tín chỉ tích lũy ít nhất 3/4 khối lượng CTĐT;
- Có điểm trung bình tích lũy hệ 4 từ 2.00 trở lên.

Ngoài các điều kiện trên, Khoa/Bộ môn có thể bổ sung các quy định khác tùy theo tình hình cụ thể của đơn vị.

3. Cuối mỗi HK, Khoa/Bộ môn xét và công bố hình thức thực hiện cuối khóa cho SV ở HK tiếp theo. SV làm KLTN hay TLTN đều phải đăng ký học phần như các học phần khác. Sinh viên nhận điểm F của KLTN hay TLTN phải đăng ký làm lại hoặc đăng ký các học phần thay thế để hoàn thành CTĐT.

### **Điều 29. Điều kiện tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Sinh viên được nhà Trường xét và công nhận tốt nghiệp vào các tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm, khi có đủ các điều kiện:

- a) Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong CTĐT; ĐTBCTL của các học phần có tham gia tính ĐTBCTL đạt từ 2.00 trở lên theo thang điểm 4;
- b) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối;
- c) Hoàn thành chuẩn đầu ra Tiếng Anh và Tin học theo quy định của nhà trường.

2. Sinh viên tốt nghiệp khác tiến độ phải làm đơn đề nghị xét/chưa xét công nhận tốt nghiệp, gửi về Hội đồng xét tốt nghiệp Khoa/Bộ môn.

3. Hội đồng xét tốt nghiệp Khoa/Bộ môn chịu trách nhiệm xét tốt nghiệp đúng thời hạn, đúng đối tượng và chuyển kết quả về Hội đồng xét tốt nghiệp trường đúng thời gian quy định.

4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp trường, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

5. Danh sách công nhận tốt nghiệp sẽ được công bố trên website Phòng Đào tạo theo từng đợt tốt nghiệp cụ thể. Sinh viên kiểm tra các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót, sinh viên phải báo ngay về Phòng Đào tạo trong vòng 07 ngày kể từ ngày công bố danh sách tốt nghiệp.

6. Sinh viên có tên trong Quyết định công nhận tốt nghiệp sẽ được nhận: Bảng điểm toàn khóa và Bằng tốt nghiệp. Trong thời gian chờ cấp bằng, sinh viên có thể liên hệ Phòng Đào tạo, Văn phòng Khoa/Bộ môn để đăng ký Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời theo nhu cầu cá nhân.

7. Sinh viên được nhận Bằng tốt nghiệp phải hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của nhà trường. Sinh viên có thể đăng ký bản sao bằng tốt nghiệp, bản sao bảng điểm tốt nghiệp theo nhu cầu cá nhân tại Phòng Đào tạo.

### **Điều 30. Xử lý sinh viên quá hạn thời gian đào tạo**

1. Khi hết thời gian tối đa được phép học, những sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ bị xóa tên trong danh sách sinh viên của Trường, trừ những SV được hưởng ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

2. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

3. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp và vượt quá thời gian đào tạo tại trường sẽ được cấp bảng điểm các học phần đã học. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình học khác (thời gian xin chuyển đổi không quá một năm kể từ ngày ban hành quyết định).

TRƯỜNG  
CỘNG HÒA  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM

### **Điều 31. Bằng tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp**

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo.
2. Xếp loại tốt nghiệp được xác định căn cứ vào ĐTBCTL theo các mức như sau:
  - Loại Xuất sắc: ĐTBCTL từ 3.60 đến 4.00
  - Loại Giỏi: ĐTBCTL từ 3.20 đến 3.59
  - Loại Khá: ĐTBCTL từ 2.50 đến 3.19
  - Loại Trung bình: ĐTBCTL từ 2.00 đến 2.49

3. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại Xuất sắc và Giỏi sẽ bị giảm một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng các học phần học lại (chỉ tính học phần bắt buộc) vượt quá 5% tổng số TC quy định cho toàn CTĐT;
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

### **CHƯƠNG V**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 32.** Quy chế này được áp dụng cho sinh viên bậc Đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh và áp dụng từ học kỳ I, năm học 2018-2019 (bao gồm cả sinh viên đào tạo theo hình thức Văn bằng Đại học thứ 2, Liên thông hệ chính quy).

**Điều 33.** Các Ông (Bà) thủ trưởng các đơn vị chức năng có liên quan và Trường Khoa/Bộ môn chịu trách nhiệm phổ biến và triển khai thực hiện quy chế này trong phạm vi chức trách của đơn vị./.



**GS.TS. Nguyễn Hay**